TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2019
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thiện

2. Ông Nguyễn Mai Độ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trà Ngọc L**, sinh năm 1977. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Số 492, khu vực Q, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh **Trịnh Trường G**, sinh năm 1975. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 09, khu vực B, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trà Ngọc L trình bày: Chị và anh Trịnh Trường G do quen biết và tìm hiểu nhau nên tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào ngày 21/8/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được vài năm sau đó thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa trong chuyện tình cảm và kinh tế gia đình, anh G không quan tâm vợ con, chị đã khuyên ngăn nhưng anh G không thay đổi, chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có một con chung tên Trà Anh H (nam), sinh ngày 25/01/2003. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G đến trưởng thành, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai đề ngày 25/10/2019, bị đơn anh Trịnh Trường G trình bày: Anh và chị Trà Ngọc L tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2002 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P. Đến đầu năm 2012 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, có cự cải nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, sau đó chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trà Anh H (nam), sinh ngày 25/01/2003. Việc Anh H muốn sinh sống với cha hay mẹ thì tùy ý kiến của Anh H quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Trịnh Trường G để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh G vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trà Ngọc L và anh Trịnh Trường G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị L khởi kiện xin ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Trường G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, anh G vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị L và anh G chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2008, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào khoảng năm 2010, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân mất hạnh phúc, anh G thường hay uống rượu, không lo làm ăn và không quan tâm vợ con, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh G không thay đổi nên từ năm 2012 chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, không ai quan tâm ai. Đến nay chị xác định đã không còn tình cảm với anh G nên chị cương quyết xin ly hôn với anh G.

Quá trình giải quyết vụ án, anh G thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau nên chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh G vắng mặt không lý do.

Xét quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh G đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa nhưng phía anh G nhiều lần vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy anh G đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, thực tế anh chị đã có thời gian dài sống ly thân nhau, không ai quan tâm ai nên không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa các đương sự đã

thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh G là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Trà Anh H (nam), sinh ngày 25/01/2003.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh H đến trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, anh G có ý kiến tùy cháu Anh H quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị L đang nuôi dưỡng cháu Anh H, chị L có đảm bảo cho cháu các điều kiện về sinh hoạt và học tập nên cần ổn định cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Anh H đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu anh H.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu Anh H. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh G thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày là không có, tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt anh G nên chị L đồng ý tách phần tài sản chung và nợ chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trà Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trà Ngọc L được ly hôn anh Trịnh Trường G.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trà Anh H (nam), sinh ngày 25/01/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh G không cấp dưỡng nuôi con.

Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh G thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do vắng mặt anh G nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trà Ngọc L phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 010581 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận chị L đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Liên